

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
SÂN BAY NỘI BÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /NASCO-CBTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO);

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội;

Điện thoại: 04. 38865127;

Fax: 04. 38865555

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Tạ Thiên Long;

Địa chỉ: Nhà số 20 tổ 53, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội;

Điện thoại (di động, cơ quan, fax):

Di động: 0906119196;

CQ: 04. 38865127;

Fax: 04. 38865555

Loại công bố thông tin: Định kỳ.

Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016.

- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2016.

(Có các báo cáo tài chính kiểm toán gửi kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Người công bố thông tin  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Tạ Thiên Long**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 – 41



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo riêng này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tạ Thiên Long	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Nguyễn Ngọc Trọng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Vũ Đình Thủy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Trần Khoa Trung	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Bà Hà Thị Thu Nga	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Đặng Huy Khôi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Phạm Việt Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Diệp Phú Vinh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành Viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Bà Trần Kim Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Đào Minh Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Bà Trần Mai Hạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tạ Thiên Long	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Tạ Thiên Long**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

789  
NG  
NH  
N &  
ĐT  
NH  
A N  
Y-



# RSM

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội  
Tầng 7, Tòa Nhà Lotus, Số 2 Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

T: 04 3795 5353

F: 04 3795 5252

www.rsm.global/vietnam

Số: 11/2017/RSMHN-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

V/v: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài**

### **Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 41.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Lê Văn Hoài**

**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0023-2016-026-1

**Hoàng Thị Vinh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2016-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>131.589.911.358</b>	<b>183.622.076.347</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>55.001.904.651</b>	<b>97.718.734.497</b>
1. Tiền	111		35.001.904.651	44.718.734.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	53.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.000.000.000	25.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.695.175.367</b>	<b>42.030.986.517</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	28.138.380.945	28.353.484.555
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	13.399.374.449	11.800.479.949
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	5.157.419.973	1.877.022.013
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>8.206.170.513</b>	<b>14.245.562.749</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.206.170.513	14.265.041.144
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.478.395)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.686.660.827</b>	<b>4.626.792.584</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		375.042.305	614.225.192
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	5.462.491.451	3.967.450.795
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	849.127.071	45.116.597
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>151.315.330.480</b>	<b>94.066.266.555</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.110.751.563</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.394.607.563	1.394.607.563
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	286.860.000	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(570.716.000)	(1.394.607.563)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>116.347.855.369</b>	<b>77.979.802.170</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	112.454.047.877	77.434.829.315
Nguyên giá	222		186.621.413.633	169.913.328.242
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.167.365.756)	(92.478.498.927)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	3.893.807.492	544.972.855
Nguyên giá	228		6.330.161.323	1.970.433.554
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.436.353.831)	(1.425.460.699)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>927.692.925</b>	<b>7.510.107.923</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		927.692.925	7.510.107.923
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.10</b>	<b>28.223.690.550</b>	<b>6.694.690.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.280.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.694.690.000	6.694.690.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(750.999.450)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.705.340.073</b>	<b>1.881.666.462</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	4.705.340.073	1.706.877.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	-	174.788.840
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>282.905.241.838</b>	<b>277.688.342.902</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>125.438.071.435</b>	<b>129.154.518.750</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.029.652.326</b>	<b>114.253.734.767</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	40.999.774.599	70.843.797.241
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		190.781.845	283.919.274
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	-	170.411.070
4. Phải trả người lao động	314		19.160.105.453	31.495.294.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.095.930.780	1.248.049.746
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	9.676.774.827	2.350.743.682
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	10.310.766.676	4.346.223.027
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.595.518.146	3.515.296.012
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.408.419.109</b>	<b>14.900.783.983</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		611.634.624	1.458.677.659
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	36.796.784.485	13.442.106.324
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>157.467.170.403</b>	<b>148.533.824.152</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.15</b>	<b>157.467.170.403</b>	<b>148.533.824.152</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.157.640.000	83.157.640.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.053.684.206	33.053.684.206
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.289.452.745	28.356.106.494
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.196.802.165	835.576.655
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		34.092.650.580	27.520.529.839
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>282.905.241.838</b>	<b>277.688.342.902</b>



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>416.131.591.374</b>	<b>569.710.604.586</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	993.491.988	1.248.677.960
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>415.138.099.386</b>	<b>568.461.926.626</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	224.433.020.409	361.982.691.394
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>190.705.078.977</b>	<b>206.479.235.232</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	21.688.315.731	27.356.016.864
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.095.065.110	4.084.696.760
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.995.698.596	1.304.309.404
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	146.876.650.238	175.123.714.550
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	35.679.692.784	31.299.997.995
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>25.741.986.576</b>	<b>23.326.842.791</b>
11. Thu nhập khác	31	5.7	13.271.566.309	6.267.857.796
12. Chi phí khác	32		482.448.029	137.212.981
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>12.789.118.280</b>	<b>6.130.644.815</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>38.531.104.856</b>	<b>29.457.487.606</b>
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	4.263.665.436	1.895.092.251
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	174.788.840	42.728.548
<b>17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>34.092.650.580</b>	<b>27.519.666.807</b>



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.8</b>	<b>38.531.104.856</b>	<b>29.457.487.606</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.10	18.920.218.276	18.637.232.688
- Các khoản dự phòng	03		731.521.055	221.108.077
- Lỗi chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.087.535.462	1.372.098.229
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(33.957.972.641)	(32.860.291.252)
- Chi phí lãi vay	06		1.995.698.596	1.304.309.404
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>27.308.105.604</b>	<b>18.131.944.752</b>
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(6.975.138.380)	(7.211.190.560)
- Giảm hàng tồn kho	10		6.058.870.631	6.886.919.794
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(37.154.567.090)	(6.123.818.045)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.759.279.564)	476.764.546
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.995.698.596)	(1.304.309.404)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.8	(4.007.938.543)	(3.295.718.808)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.941.744.547)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(21.467.390.485)</b>	<b>7.560.592.275</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(54.950.452.888)	(40.020.040.672)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22	5.7	8.696.874.546	6.203.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐVK	23		(15.000.000.000)	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐVK	24		25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	4.10	(12.366.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.779.534.029	26.657.291.252
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(27.840.044.313)</b>	<b>(32.159.749.420)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.14	35.814.244.204	13.498.353.295
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.14	(6.495.022.394)	(9.017.785.782)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.714.586.653)	(18.948.844.442)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.604.635.157</b>	<b>(14.468.276.929)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(42.702.799.641)</b>	<b>(39.067.434.074)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>97.718.734.497</b>	<b>136.803.486.595</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.030.205)	(17.318.024)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>55.001.904.651</b>	<b>97.718.734.497</b>

**Giao dịch không bằng tiền trọng yếu:**

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.10 "Đầu tư tài chính dài hạn", Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty con và Công ty liên kết, giá trị được định giá lần lượt là 8.634.000.000 VND và 9.280.000.000 VND (tổng giá trị 9.914.000.000 VND)



**Tạ Thiên Long**  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Trần Thị Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Hào**  
Người lập



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, một doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 9 lần, lần cuối cùng vào ngày 07/5/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 07/5/2014, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội,

Tổng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 645 người (tại ngày 31/12/2015 là 991 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Công ty có 04 chi nhánh sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng.

Tại ngày 01/3/2016, các chi nhánh tiến hành sát nhập với Công ty và dừng các hoạt động của các chi nhánh này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	51%	46,15%	46,15%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	36%	16%	16%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này không bao gồm số liệu của các Công ty con, Công ty liên kết mà Công ty kiểm soát đến ngày 31/12/2016.

Ngoài Báo cáo tài chính riêng này, Công ty còn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"). Người sử dụng nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của toàn Nhóm Công ty.

**2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**2.3 Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 21/3/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

##### **3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

##### **3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

30236  
C  
KIỂM T  
SM  
- CH  
H  
T  
G



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Hàng tồn kho (tiếp)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng sử dụng của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí trả trước khác.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích	
	Năm 2015	Năm 2016
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 06	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 06	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý		03 - 05
TSCĐ khác	04	04 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

789-C  
NG T  
(NHH  
ÁN & T  
IẾT  
NHÀ  
À NỘI  
ẤY - T

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

#### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 3.9 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ trước đó đã được lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ đi tổn thất của các khoản đầu tư.

### 3.10 Vốn chủ sở hữu

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Cổ phiếu quỹ:** Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng.

**Cổ tức:** Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

**Phân phối lợi nhuận:** Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.





### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.11 Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

### **3.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### **3.14 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**3.17 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 Thuế (tiếp)**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)**

**Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp)**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 Thuế (tiếp)**

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- |  |     |
|--|-----|
| ▪ Hàng hóa bán khu cách ly quốc tế     | 0%  |
| ▪ Đồ chơi cho trẻ em; một số loại sách | 5%  |
| ▪ Các hàng hóa và dịch vụ khác         | 10% |

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.18 Công cụ tài chính**

***Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày***

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính riêng, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

1789  
CÔNG TY TNHH  
DẤN &  
VIỆT  
II NHẢ  
IA NỘI  
4Y-T



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Tiền mặt	412.538.063	1.228.492.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.157.541.392	42.565.238.236
Tiền đang chuyển	1.431.825.196	925.003.854
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	53.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.001.904.651</b>	<b>97.718.734.497</b>

(i): Khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 6 tháng, lãi suất 5%/năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền 15.000.000.000 VND (tại ngày 01/01/2016 là 25.000.000.000 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>20.389.250.390</b>	<b>14.299.297.944</b>
Tại Văn phòng	20.389.250.390	13.989.986.974
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài	18.555.890.895	13.191.148.707
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	681.914.189	46.708.200
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất	-	3.120.000
+ Công ty CP DV Hàng không SB Tân Sơn Nhất	-	560.000
+ Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay	-	104.940.000*
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	250.169.702	205.784.753
+ CN TCT Hàng không VN - Khu vực miền Bắc	61.587.456	62.222.451
+ Công ty CP Taxi Nasco	167.168.600	-
+ Công ty CP HK Jetstar Pacific	131.848.332	375.502.863
+ Công ty CP Giao nhận hàng hóa Nasco	395.696.959	-
+ Công ty Bay dịch vụ HK (VASCO)	90.554.119	-
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	4.615.000	-
+ Công ty Xăng dầu Hàng không	49.805.138	-
Tại CN Hà Nội	-	69.219.000
+ Báo Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	66.821.000
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	2.398.000
Tại CN Hồ Chí Minh	-	214.450.970
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	163.505.830
+ Công ty CP Hàng không Jestar Pacific	-	50.945.140
Tại CN Đà Nẵng	-	25.641.000
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	25.641.000
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>7.749.130.555</b>	<b>14.054.186.611</b>
Tại Văn phòng	7.749.130.555	4.030.826.558
+ Công ty TNHH Nhà ga HH ALS	143.256.340	-
+ Công ty TNHH Nước giải khát CocaCola Việt Nam	245.000.000	183.750.000
+ Công ty CP Dịch vụ Truyền thông số	195.305.000	-
+ Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Truyền thông AAA	137.500.000	-
+ Hãng hàng không Lào	300.073.290	252.114.400
+ Hongkong Dragon	102.921.825	267.714.700
+ Hàng không Malaysia	372.334.170	190.513.600
+ Các khách hàng khác	6.252.739.930	3.136.733.858
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	7.239.141.140
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	2.493.025.979
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	291.192.934
<b>Cộng</b>	<b>28.138.380.945</b>	<b>28.353.484.555</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>13.399.374.449</b>	<b>11.800.479.949</b>
Tại Văn phòng	13.399.374.449	11.775.473.049
Công ty TNHH MTV 319.2	-	4.449.459.943
Công ty Cổ phần Công nghệ Cộng đồng Việt Nam	101.984.546	776.799.746
Cảng HKQT Nội Bài - CN Tổng CT Cảng HK Việt Nam	2.512.443.007	1.636.266.578
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Thế kỷ	3.252.143.468	-
Công ty TNHH Thiết bị Tự động hóa H-H	582.810.800	233.124.320
Công ty CP Xúc tiến Thương mại Đầu tư Hành tinh số	57.000.000	-
Công ty CP Lilama 69-1	259.310.756	108.000.000
Công ty TNHH TM và Vận tải Hà Sơn	-	365.908.955
Các khoản trả trước khác	6.633.681.872	4.205.913.507
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	25.006.900
<b>Cộng</b>	<b>13.399.374.449</b>	<b>11.800.479.949</b>

**4.5 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Văn phòng Công ty	5.157.419.973	1.877.022.013
Tạm ứng	1.998.774.253	799.283.914
Ký cược, ký quỹ	15.833.000	398.493.000
Phải thu ngắn hạn khác	3.142.812.720	527.452.599
+ Phải thu DFS	256.857.920	-
+ Chi phí vận chuyển hàng miễn thuế máy bay	1.280.768.854	-
+ Tạm tính lãi tiền gửi	361.500.000	-
+ Phải thu khác	1.243.685.946	527.452.599
Tại các Chi nhánh	-	151.792.500
<b>Cộng</b>	<b>5.157.419.973</b>	<b>1.877.022.013</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	286.860.000	-
<b>Cộng</b>	<b>286.860.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>8.206.170.513</b>	<b>14.265.041.144</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.391.159.879	3.012.170.688
Công cụ, dụng cụ	546.131.780	29.262.685
Hàng hóa	391.602.567	5.954.985.741
Hàng gửi bán	4.877.276.287	5.268.622.030
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>(19.478.395)</b>
Hàng hóa	-	(19.478.395)
<b>Cộng</b>	<b>8.206.170.513</b>	<b>14.245.562.749</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	45.176.510.403	9.376.021.063	103.974.840.832	108.000.000	11.277.955.944	169.913.328.242
Mua sắm	-	3.546.538.636	3.772.090.910	-	-	7.318.629.546
XDCB hoàn thành	49.854.510.571	-	-	-	-	49.854.510.571
Phân loại lại	(4.429.201.655)	4.429.201.655	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(162.400.000)	-	(28.285.786.496)	-	-	(28.448.186.496)
Giảm do góp vốn (i)	(3.079.163.397)	(237.747.272)	(8.699.957.561)	-	-	(12.016.868.230)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>87.360.255.922</b>	<b>17.114.014.082</b>	<b>70.761.187.685</b>	<b>108.000.000</b>	<b>11.277.955.944</b>	<b>186.621.413.633</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	11.652.132.100	8.120.546.776	70.188.160.753	1.741.935	2.515.917.363	92.478.498.927
Khấu hao	6.794.547.783	4.149.106.115	6.194.320.799	36.000.000	735.350.447	17.909.325.144
Phân loại lại	(88.370.043)	88.370.043	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(162.400.000)	-	(28.285.786.496)	-	-	(28.448.186.496)
Giảm do góp vốn (i)	(1.165.250.430)	(226.081.371)	(6.153.057.768)	-	-	(7.544.389.569)
Giảm khác	-	-	(227.882.250)	-	-	(227.882.250)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>17.030.659.410</b>	<b>12.131.941.563</b>	<b>41.715.755.038</b>	<b>37.741.935</b>	<b>3.251.267.810</b>	<b>74.167.365.756</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2016	33.524.378.303	1.255.474.287	33.786.680.079	106.258.065	8.762.038.581	77.434.829.315
Tại ngày 31/12/2016	70.329.596.512	4.982.072.519	29.045.432.647	70.258.065	8.026.688.134	112.454.047.877

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 35.481.133.306 VND (tại ngày 31/12/2015 là 61.081.661.362 VND).

(i): Trong năm, Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty con và Công ty liên kết với giá trị được định giá lần lượt là 8.634.000.000 VND và 1.280.000.000 VND (tổng giá trị 9.914.000.000 VND). Giá trị chênh lệch đánh giá khi góp vốn là 4.481.564.066 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

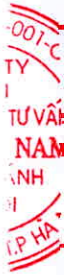
**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	1.970.433.554	1.970.433.554
Mua sắm	4.359.727.769	4.359.727.769
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>6.330.161.323</b>	<b>6.330.161.323</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	1.425.460.699	1.425.460.699
Khấu hao	1.010.893.132	1.010.893.132
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.436.353.831</b>	<b>2.436.353.831</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2016	544.972.855	544.972.855
Tại ngày 31/12/2016	3.893.807.492	3.893.807.492

**4.9 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	4.291.600.359	1.348.775.241
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	400.539.714	292.102.381
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.200.000	66.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.705.340.073</b>	<b>1.706.877.622</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (iii)	Dự phòng (iv)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	21.000.000.000	20.467.828.583	532.171.417	-	-	-
<i>Công ty CP Giao nhận hàng hóa Nasco (i)</i>	21.000.000.000	20.467.828.583	532.171.417	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	1.280.000.000	1.061.171.967	218.828.033	-	-	-
<i>Công ty CP Taxi Nasco (ii)</i>	1.280.000.000	1.061.171.967	218.828.033	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	6.694.690.000	6.694.690.000	-	6.694.690.000	6.694.690.000	-
<i>Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCTS)</i>	6.694.690.000	6.694.690.000	-	6.694.690.000	6.694.690.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.974.690.000</b>	<b>28.223.690.550</b>	<b>750.999.450</b>	<b>6.694.690.000</b>	<b>6.694.690.000</b>	<b>-</b>

(i): Công ty đầu tư vào Công ty con chiếm tỷ lệ sở hữu 51%, tương đương với số tiền là 25.500.000.000 VND (trong đó, góp vốn bằng tiền mặt là 12.366.000.000 VND, góp vốn bằng tài sản là 8.634.000.000 VND, góp vốn bằng tài sản khác là 4.500.000.000 VND). Tỷ lệ vốn thực góp tại ngày 31/12/2016 là 46,15%.

(ii): Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ sở hữu 36%, tương đương với số tiền 3.780.000.000 VND (trong đó, góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác là 2.500.000.000 VND). Tỷ lệ vốn thực góp tại ngày 31/12/2016 là 16%.

(iii): Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật đánh giá. Riêng giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài là 154.436.540.500 VND (tương đương với số cổ phiếu nắm giữ 1.827.649 cổ phiếu) (tại ngày 01/01/2016 là 252.391.205.000 VND).

(iv): Khoản dự phòng tại ngày 31/12/2016 được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>1.267.938.557</b>	<b>3.270.297.822</b>
Tại Văn phòng	1.267.938.557	267.940.000
+ Công ty CP In Hàng không	85.205.000	267.940.000
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	689.175.977	-
+ Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa NASCO	13.392.180	-
+ Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	474.650.000	-
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Nội Bài	5.515.400	-
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	2.438.089.466
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	228.158.800
+ Chi nhánh TCT HK Việt Nam KV miền Bắc	-	2.142.485.315
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	-	67.445.351
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	422.294.024
+ Chi nhánh TCT HKVN Khu vực miền Nam	-	195.826.904
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	226.467.120
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	141.974.332
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	120.789.265
+ CT TNHH MTV DVMD sân bay VN - CN Đà Nẵng	-	21.185.067
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>39.731.836.042</b>	<b>67.573.499.419</b>
Tại Văn phòng	39.731.836.042	66.207.891.599
+ Cảng HK Quốc tế Nội Bài - CN TCT Cảng HK VN	3.676.472.338	24.172.573.175
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam	8.830.813.970	16.570.423.575
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam	3.487.363.649	6.308.646.300
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Đức	901.723.920	1.731.674.250
+ Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	3.968.029.118	-
+ Công ty TNHH MTV 319.2	2.122.410.172	-
+ Công ty TNHH MTV Việt Thành	933.323.405	1.107.909.501
+ Phải trả khách hàng khác	15.811.699.470	16.316.664.798
Tại Chi nhánh	-	1.365.607.820
+ Chi nhánh Hà Nội	-	912.725.105
+ Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	452.882.715
<b>Cộng</b>	<b>40.999.774.599</b>	<b>70.843.797.241</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	3.967.450.795		21.723.392.833	20.228.352.177	5.462.491.451	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	28.656.743.499	28.656.743.499	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.128.036	3.756.181.664	4.007.938.543	250.628.843	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.116.597	-	1.508.468.645	2.061.850.276	598.498.228	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	611.685.034	611.685.034	-	-
Các loại thuế khác	-	169.283.034	3.000.000	172.283.034	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.116.597</b>	<b>170.411.070</b>	<b>34.536.078.842</b>	<b>35.510.500.386</b>	<b>849.127.071</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả các bên liên quan	1.966.363.073	566.051.926
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.966.363.073</i>	<i>566.051.926</i>
Phải trả bên thứ ba	7.710.411.754	1.784.691.756
<i>Công ty CP Kiến trúc Thế kỷ</i>	<i>3.400.132.477</i>	<i>-</i>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>99.115.954</i>	<i>438.481.347</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	<i>290.000.000</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>4.106.163.323</i>	<i>1.056.210.409</i>
<b>Cộng</b>	<b>9.676.774.827</b>	<b>2.350.743.682</b>

**4.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	17.788.329.351	35.814.244.204	6.495.022.394	47.107.551.161
<i>Trong đó:</i>				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>4.346.223.027</i>			<i>10.310.766.676</i>
<i>Dài hạn</i>	<i>13.442.106.324</i>			<i>36.796.784.485</i>
<b>Cộng</b>	<b>17.788.329.351</b>	<b>35.814.244.204</b>	<b>6.495.022.394</b>	<b>47.107.551.161</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.15 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**4.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	83.157.640.000	(2.820.000)	-	30.572.832.394	3.969.213.452	24.866.939.062	142.563.804.908
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	27.519.666.807	27.519.666.807
Chia các quỹ	-	-	-	2.480.851.812	-	(5.435.818.575)	(2.954.966.763)
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	(18.294.680.800)	(18.294.680.800)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>(2.820.000)</b>	<b>-</b>	<b>33.053.684.206</b>	<b>3.969.213.452</b>	<b>28.356.106.494</b>	<b>148.533.824.152</b>
Tại ngày 01/01/2016	83.157.640.000	(2.820.000)	-	33.053.684.206	3.969.213.452	28.356.106.494	148.533.824.152
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	34.092.650.580	34.092.650.580
Chia các quỹ	-	-	-	-	-	(2.721.966.681)	(2.721.966.681)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(24.114.897.800)	(24.114.897.800)
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tặng khác (ii)	-	-	-	-	-	1.977.560.152	1.977.560.152
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>(2.820.000)</b>	<b>-</b>	<b>33.053.684.206</b>	<b>3.969.213.452</b>	<b>37.289.452.745</b>	<b>157.467.170.403</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.15 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp)**

**4.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(i): Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết số 136/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 16/5/2016 với số tiền là 24.114.897.800 VND.

(ii): Đây là các khoản chi phí đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm trước nhưng không được chấp thuận là chi phí hợp lý hợp lệ trong các năm tài chính trước theo Kết luận của kiểm toán Nhà nước số 1005/TB-KTNN ngày 30/8/2016.

**4.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	ĐKDN VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty CP	42.410.396.400	51%	42.410.396.400	51%	42.410.396.400	51%
Vốn góp đối tượng khác	40.747.243.600	49%	40.747.243.600	49%	40.747.243.600	49%
<b>Cộng</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100%</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100%</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100%</b>

**4.15.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.315.764	8.315.764
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
Số lượng cổ phiếu được mua lại	282	282
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	282	282
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.315.482	8.315.482
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

**4.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	39.964.813.714	64.495.458.751
- Công ty TNHH DFS Việt Nam - Kho A	17.352.824.680	20.049.483.086
- Công ty TNHH EDF Việt Nam - Kho B	18.629.286.396	22.468.317.931
- Tập đoàn Imex Pan - Pacific	-	17.466.833.134
- Công ty khác	3.982.702.639	4.510.824.600
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400
3. Ngoại tệ các loại		
- USD	119.079,86	212.233,63

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>416.131.591.374</b>	<b>569.710.604.586</b>
Doanh thu taxi, vận chuyển hàng hóa	77.066.171.213	200.502.980.409
Doanh thu bán hàng miễn thuế	118.130.006.663	136.077.470.292
Doanh thu bán hàng hóa	41.519.621.797	53.736.236.936
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	179.402.449.881	155.705.861.647
Doanh thu khác	13.341.820	23.688.055.302
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(993.491.988)</b>	<b>(1.248.677.960)</b>
Chiết khấu thương mại	(993.491.988)	(1.248.677.960)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>415.138.099.386</b>	<b>568.461.926.626</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn taxi, vận chuyển hàng hóa	47.712.237.251	158.199.818.287
Giá vốn bán hàng miễn thuế	88.759.844.114	100.549.464.287
Giá vốn bán hàng hóa	23.501.727.775	30.505.208.127
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	64.445.869.341	52.297.554.881
Giá vốn khác	13.341.928	20.430.645.812
<b>Cộng</b>	<b>224.433.020.409</b>	<b>361.982.691.394</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)**

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.503.044.029	4.098.873.762
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	18.276.490.000	22.558.417.490
Lãi chênh lệch tỷ giá	908.781.702	698.725.612
<b>Cộng</b>	<b>21.688.315.731</b>	<b>27.356.016.864</b>

(i): Đây là khoản cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

**5.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	1.995.698.596	1.304.309.404
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	750.999.450	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.348.367.064	2.780.387.356
<b>Cộng</b>	<b>4.095.065.110</b>	<b>4.084.696.760</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	63.893.823.941	78.976.172.004
Chi phí nguyên vật liệu	5.016.888.008	4.598.230.649
Chi phí dụng cụ đồ dùng	6.603.490.101	5.256.485.276
Chi phí khấu hao tài sản	10.196.218.663	8.052.988.215
Thuế, phí lệ phí	910.537.986	189.526.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.023.671.577	53.933.147.794
<i>Chi phí thuê kho, mặt bằng</i>	<i>34.509.907.828</i>	<i>38.496.230.863</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>10.513.763.749</i>	<i>15.436.916.931</i>
Chi phí hoa hồng môi giới	401.766.760	2.993.542.431
Chi phí khác bằng tiền	14.830.253.202	21.123.621.934
<b>Cộng</b>	<b>146.876.650.238</b>	<b>175.123.714.550</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)**

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.969.749.369	14.727.574.787
Chi phí vật liệu quản lý	123.679.211	161.682.954
Chi phí đồ dùng văn phòng	665.318.954	876.322.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.080.380.956	3.038.750.717
Dự phòng phải thu khó đòi	-	221.108.077
Thuế, phí và lệ phí	1.171.523.117	1.429.556.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.374.266.491	3.724.627.402
Chi phí điện thoại, Internet	1.079.531.182	647.474.580
Sửa chữa TSCĐ	596.949.328	553.703.824
Công tác phí	527.572.327	432.633.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.170.213.654	2.090.815.955
Chi phí bằng tiền khác	12.294.774.686	7.120.375.517
Chi phí dự phòng	2.681.022.206	113.454.670
Chi phí giao dịch, đối ngoại	2.726.039.302	3.565.937.683
Chi phí hội nghị, họp	1.864.334.418	562.606.464
Chi phí bằng tiền khác	5.023.378.760	2.878.376.700
<b>Cộng</b>	<b>35.679.692.784</b>	<b>31.299.997.995</b>

**5.7 Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	8.696.874.546	6.203.000.000
Chênh lệch đánh giá tài sản góp vốn (i)	4.481.564.066	-
Thu nhập khác	93.127.697	64.857.796
<b>Cộng</b>	<b>13.271.566.309</b>	<b>6.267.857.796</b>

(i): Đây là khoản chênh lệch do đánh giá tài sản góp vốn tại Công ty con và Công ty liên kết của Công ty.

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)**

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>38.531.104.856</b>	<b>29.457.487.606</b>
<b>Điều chỉnh các khoản (giảm) lợi nhuận</b>	<b>(18.615.014.476)</b>	<b>(21.259.973.100)</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>(17.723.752.253)</i>	<i>(22.151.235.323)</i>
Thu nhập không thuộc diện nộp thuế TNDN (i)	(18.276.490.000)	(22.558.417.490)
Chi phí không được khấu trừ (không hợp lệ)	552.737.747	407.182.167
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>(891.262.223)</i>	<i>891.262.223</i>
Tăng (giảm) chi phí trích trước	(873.944.199)	873.944.199
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(17.318.024)	17.318.024
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>19.916.090.380</b>	<b>8.197.514.506</b>
<b>Thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>19.916.090.380</b>	<b>8.197.514.506</b>
Thu nhập tính thuế không được ưu đãi	19.916.090.380	7.553.110.944
Thu nhập tính thuế được ưu đãi	-	644.403.562
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>19.916.090.380</b>	<b>8.197.514.506</b>
Thuế suất phổ thông (%)	20%	22%
Thuế suất ưu đãi (%)	-	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>3.983.218.076</b>	<b>1.790.565.120</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước (ii)	280.447.360	104.527.131
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>4.263.665.436</b>	<b>1.895.092.251</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.128.036	1.401.754.593
Điều chỉnh ảnh hưởng khác	(507.483.772)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.007.938.543)	(3.295.718.808)
<b>Thuế TNDN (phải thu)/phải trả cuối năm</b>	<b>(250.628.843)</b>	<b>1.128.036</b>

(i): Đây là khoản cổ tức được chia trong năm, xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.3 "Doanh thu hoạt động tài chính".

(ii): Đây là khoản truy thu theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước số 1005/TB-KTNN ngày 30/8/2016.

9-001  
CÔNG TY  
H  
& TƯ V  
T N  
HÀNH  
ỘI  
T.P.H



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP)**

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>		<b>Báo cáo kết quả kinh doanh riêng</b>	
	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	-	<b>174.788.840</b>		
Trích trước chi phí	-	174.788.840	174.788.840	42.728.548
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>174.788.840</b>	<b>42.728.548</b>

**5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	91.389.455.159	124.337.308.773
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.484.998.232	48.175.862.441
Chi phí dụng cụ đồ dùng	7.294.646.235	8.483.722.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.920.218.277	18.637.232.688
Thuế và các khoản lệ phí	2.082.061.103	1.619.082.552
Giá vốn hàng hóa	128.126.194.568	130.993.123.572
Chi phí hoa hồng môi giới	401.766.760	2.993.542.431
Dự phòng phải thu khó đòi	-	221.108.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.326.927.023	151.307.368.932
Chi phí khác bằng tiền	41.961.115.953	81.638.051.571
<b>Cộng</b>	<b>412.987.383.310</b>	<b>568.406.403.939</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.001.904.651	97.718.734.497
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.805.926.930	42.030.986.517
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn	28.223.690.550	6.694.690.000
<b>Cộng</b>	<b>146.031.522.131</b>	<b>171.444.411.014</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	47.107.551.161	17.788.329.351
Phải trả người bán và phải trả khác	51.288.184.050	74.653.218.582
Chi phí phải trả	3.095.930.780	1.248.049.746
<b>Cộng</b>	<b>101.491.665.991</b>	<b>93.689.597.679</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền có kỳ hạn và các nghĩa vụ phải trả dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Theo lãi suất cố định	35.000.000.000	78.000.000.000
Theo lãi suất thả nổi	35.001.904.651	44.718.734.497
Không chịu lãi suất	76.029.617.480	48.725.676.517
<b>Cộng</b>	<b>146.031.522.131</b>	<b>171.444.411.014</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Nợ phải trả tài chính lãi suất cố định	47.107.551.161	17.788.329.351
Không chịu lãi suất	54.384.114.830	75.901.268.328
<b>Cộng</b>	<b>101.491.665.991</b>	<b>93.689.597.679</b>

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro ngoại tệ (tiếp)**

Chi tiết các công cụ tài chính bằng ngoại tệ được trình bày trong bảng dưới đây:

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>USD</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	119.079,86	212.233,63
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	-	3.658,86
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>USD</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	USD	(2.209.775,20)	(1.023.447,55)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(2.090.695,34)</b>	<b>(807.555,06)</b>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với các loại ngoại tệ USD.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Tăng/(giảm) tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
USD	10%	(4.762.603.985)	(1.812.961.110)

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Ban Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty không có rủi ro tín dụng đáng kể nào.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Tại ngày 31/12/2016			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	10.310.766.676	36.796.784.485	-	47.107.551.161
Phải trả người bán và phải trả khác	50.676.549.426	611.634.624	-	51.288.184.050
Chi phí phải trả	3.095.930.780	-	-	3.095.930.780
<b>Cộng</b>	<b>64.083.246.882</b>	<b>37.408.419.109</b>	<b>-</b>	<b>101.491.665.991</b>
	Tại ngày 01/01/2016			
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	4.346.223.027	13.442.106.324	-	17.788.329.351
Phải trả người bán và phải trả khác	73.194.540.923	1.458.677.659	-	74.653.218.582
Chi phí phải trả	1.248.049.746	-	-	1.248.049.746
<b>Cộng</b>	<b>78.788.813.696</b>	<b>14.900.783.983</b>	<b>-</b>	<b>93.689.597.679</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty, các Công ty thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần và các công ty liên doanh, liên kết.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
TT Khai thác Nội Bài	152.557.901.297	125.561.913.915
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	346.799.080	731.852.729
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Nội Bài	7.054.870.695	4.774.664.155
Chi nhánh TCT Hàng không VN - VP Khu vực miền Bắc	730.240.405	477.306.335
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN TSN	17.081.817	-
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Đà Nẵng	15.298.000	57.620.000
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	2.535.623.355	3.648.872.295
Công ty TNHH Giao nhận HH Tân Sơn Nhất	19.676.364	509.091
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu HK VN - KV miền Bắc	544.097.953	234.946.066
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay	381.600.000	95.400.000
Công ty Bay dịch vụ Hàng không	824.244.312	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	2.353.852.062	2.014.665.951
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	628.471.600	-
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	222.702.544	-
Công ty CP HK Jetstar Pacific	865.510.657	-
<b>Cộng</b>	<b>169.097.970.141</b>	<b>137.597.750.537</b>

**Mua hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	556.750.200	4.311.687.880
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Đà Nẵng	-	166.959.327
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	1.198.250.000	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	131.873.227	950.042.940
CN TCT HK Việt Nam - Văn phòng Khu vực miền Bắc	13.753.544.768	21.288.979.909
CN TCT HK Việt Nam - Văn phòng Khu vực miền Nam	4.038.355.219	26.025.244.629
CN TCT HK Việt Nam - Văn phòng Khu vực miền Trung	481.043.066	1.991.884.847
Công ty Cổ phần In Hàng không	1.012.183.814	1.423.743.888
Công ty CP DVHKS Tân Sơn Nhất	235.734.543	317.901.901
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	755.856.819	-
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Nội Bài	64.397.200	-
<b>Cộng</b>	<b>22.227.988.856</b>	<b>56.476.445.321</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Giao dịch với bên liên quan (tiếp)**

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát*

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.746.501.057	1.859.199.924
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	685.970.004	704.414.004
Thưởng Ban Điều hành	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.732.471.061</b>	<b>2.863.613.928</b>

*Cổ tức:* Xem chi tiết tại Thuyết minh 4.15 “Vốn chủ sở hữu”.

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.3 “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”;
- Thuyết minh số 4.10 “Đầu tư tài chính dài hạn”;
- Thuyết minh số 4.11 “Phải trả người bán ngắn hạn”;
- Thuyết minh số 4.13 “Phải trả ngắn hạn khác”.

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL (nay là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam).

-----o0o-----

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 46

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tạ Thiên Long	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Nguyễn Ngọc Trọng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Vũ Đình Thủy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Trần Khoa Trung	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Bà Hà Thị Thu Nga	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Đặng Huy Khôi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Phạm Việt Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Diệp Phú Vinh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Bà Trần Kim Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/5/2016)
Ông Đào Minh Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)
Bà Trần Mai Hạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16/5/2016)

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tạ Thiên Long	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.





**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

1789  
ÔNG  
TNHI  
DÁN  
VIỆ  
HI NH  
IÀ NH  
ẤY-

Số: 12/2017/RSMHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 46.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lê Văn Hoài**  
**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0023-2016-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Hoàng Thị Vinh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2016-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>152.528.519.515</b>	<b>183.622.076.347</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>61.935.607.721</b>	<b>97.718.734.497</b>
1. Tiền	111		41.935.607.721	44.718.734.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	53.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.000.000.000	25.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.084.044.243</b>	<b>42.030.986.517</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	37.687.685.076	28.353.484.555
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	13.710.812.998	11.800.479.949
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.685.546.169	1.877.022.013
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>8.206.170.513</b>	<b>14.245.562.749</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.206.170.513	14.265.041.144
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.478.395)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.302.697.038</b>	<b>4.626.792.584</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	1.991.078.516	614.225.192
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	5.462.491.451	3.967.450.795
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	849.127.071	45.116.597
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>225.722.819.944</b>	<b>94.066.266.555</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.110.751.563</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.394.607.563	1.394.607.563
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	286.860.000	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(570.716.000)	(1.394.607.563)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>120.521.263.240</b>	<b>77.979.802.170</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	116.213.638.544	77.434.829.315
Nguyên giá	222		199.258.396.568	169.913.328.242
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.044.758.024)	(92.478.498.927)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	4.307.624.696	544.972.855
Nguyên giá	228		6.760.161.323	1.970.433.554
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.452.536.627)	(1.425.460.699)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.304.268.799</b>	<b>7.510.107.923</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.304.268.799	7.510.107.923
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.8</b>	<b>97.755.861.967</b>	<b>6.694.690.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.061.171.967	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		96.694.690.000	6.694.690.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.030.674.375</b>	<b>1.881.666.462</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	5.030.674.375	1.706.877.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	-	174.788.840
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>378.251.339.459</b>	<b>277.688.342.902</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>201.079.248.832</b>	<b>129.154.518.750</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>163.415.829.723</b>	<b>114.253.734.767</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	45.595.850.270	70.843.797.241
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		190.781.845	283.919.274
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	1.057.474.648	170.411.070
4. Phải trả người lao động	314		20.413.684.471	31.495.294.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.113.702.324	1.248.049.746
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	10.138.051.343	2.350.743.682
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	75.310.766.676	4.346.223.027
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.595.518.146	3.515.296.012
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.663.419.109</b>	<b>14.900.783.983</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		866.634.624	1.458.677.659
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	36.796.784.485	13.442.106.324
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177.172.090.627</b>	<b>148.533.824.152</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.15</b>	<b>177.172.090.627</b>	<b>148.533.824.152</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.157.640.000	83.157.640.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.053.684.206	33.053.684.206
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.115.239.623	28.356.106.494
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		3.196.802.165	835.576.655
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.918.437.458	27.520.529.839
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.879.133.346	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>378.251.339.459</b>	<b>277.688.342.902</b>



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015 (Trình bày lại)
<b>1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.1</b>	<b>520.744.179.770</b>	<b>569.710.604.586</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	993.491.988	1.248.677.960
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>519.750.687.782</b>	<b>568.461.926.626</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	314.873.836.380	361.982.691.394
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>204.876.851.402</b>	<b>206.479.235.232</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	21.735.761.670	27.356.016.864
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.179.084.881	4.084.696.760
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.180.420.817	1.304.309.404
8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		218.828.033	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	154.533.354.280	175.123.714.550
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	40.563.862.319	31.299.997.995
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>25.117.483.559</b>	<b>23.326.842.791</b>
12. Thu nhập khác	31	5.7	9.100.989.551	6.267.857.796
13. Chi phí khác	32		482.448.030	137.212.981
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>8.618.541.521</b>	<b>6.130.644.815</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>33.736.025.080</b>	<b>29.457.487.606</b>
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	4.263.665.436	1.895.092.251
17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	174.788.840	42.728.548
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>29.297.570.804</b>	<b>27.519.666.807</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		29.918.437.458	27.519.666.807
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(620.866.654)	-
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>4.15.4</b>	<b>3.293</b>	<b>2.946</b>



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.8	33.736.025.080	29.457.487.606
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.10	20.729.705.956	18.637.232.688
- Các khoản dự phòng	03		(19.478.395)	221.108.077
- Lỗ chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.087.535.462	1.372.098.229
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(29.831.205.458)	(32.860.291.252)
- Chi phí lãi vay	06	5.4	4.180.420.817	1.304.309.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.883.003.462	18.131.944.752
- (Tăng) các khoản phải thu	09		(19.364.025.257)	(7.211.190.560)
- Giảm hàng tồn kho	10		6.058.870.631	6.886.919.794
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(25.533.514.388)	(6.123.818.045)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.700.650.077)	476.764.546
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.981.492.817)	(1.304.309.404)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.8	(4.007.938.543)	(3.295.718.808)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.941.744.547)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(23.587.491.536)</b>	<b>7.560.592.275</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(57.810.094.706)	(40.020.040.672)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22	5.7	8.696.874.546	6.203.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	4.8	(90.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.826.979.968	26.657.291.252
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(108.286.240.192)</b>	<b>(32.159.749.420)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.14	100.814.244.204	13.498.353.295
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.14	(6.495.022.394)	(9.017.785.782)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.714.586.653)	(18.948.844.442)
5. Tiền thu góp vốn của cổ đông không kiểm soát		4.15	24.500.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>96.104.635.157</b>	<b>(14.468.276.929)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		<b>(35.769.096.571)</b>	<b>(39.067.434.074)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4.1	<b>97.718.734.497</b>	<b>136.803.486.595</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.030.205)	(17.318.024)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4.1	<b>61.935.607.721</b>	<b>97.718.734.497</b>

**Giao dịch không bằng tiền trọng yếu:**

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.8 "Đầu tư tài chính dài hạn", Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty liên kết với giá trị được định giá là 1.280.000.000 VND.



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (dưới đây được gọi là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, một doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 9 lần, lần cuối cùng vào ngày 07/5/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 07/5/2014, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội,

Tổng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 645 người (tại ngày 31/12/2015 là 991 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ngoài công ty con và công ty liên kết, Công ty có 04 chi nhánh sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng.

Tại ngày 01/3/2016, các Chi nhánh tiến hành sát nhập lại với Công ty và dừng các hoạt động của các chi nhánh này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	51%	46,15%	46,15%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	36%	16%	16%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua cho đến ngày chấm dứt quyền kiểm soát công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư nội bộ, các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện cho các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các công ty con hoặc giữa các công ty con với nhau được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**2.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp)**

**Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Công ty có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được giao cho Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các đơn vị này nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng ghi nhận.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**2.4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 21/3/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban [Tổng] Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1789-  
CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÂN BAY NỘI BÀI  
&  
CÔNG TY  
SÂN BAY NỘI BÀI  
HÀ NỘI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng sử dụng của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí trả trước khác.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)**

	Thời gian sử dụng hữu ích	
	Năm 2016	Năm 2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 08
Máy móc, thiết bị	03 – 10	03 – 06
Phương tiện vận tải	04 – 10	04 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05	03 – 05
TSCĐ khác	04 – 06	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.9 Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ đi tổn thất của các khoản đầu tư.

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11 Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

**3.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.14 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.15 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.18 Thuế

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 Thuế (tiếp)****Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- |  |     |
|--|-----|
| ▪ Hàng hóa bán khu cách ly quốc tế     | 0%  |
| ▪ Đồ chơi cho trẻ em; một số loại sách | 5%  |
| ▪ Các hàng hóa và dịch vụ khác         | 10% |

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.19 Công cụ tài chính****Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 Công cụ tài chính (tiếp)****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.962.140.043	1.228.492.407
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.541.642.482	42.565.238.236
Tiền đang chuyển	1.431.825.196	925.003.854
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	53.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.935.607.721</b>	<b>97.718.734.497</b>

(i) Khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 6 tháng, lãi suất 5%/năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với số tiền 15.000.000.000 VND (tại ngày 01/01/2016 là 25.000.000.000 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>20.686.160.925</b>	<b>14.299.297.944</b>
Tại Công ty mẹ và công ty con	20.686.160.925	13.989.986.974
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài	18.555.890.895	13.191.148.707
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Nội Bài	681.914.189	46.708.200
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất	-	3.120.000
+ Công ty CP DV Hàng không SB Tân Sơn Nhất	-	560.000
+ Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay	-	104.940.000
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	443.963.237	205.784.753
+ CN TCT HK VN - Văn phòng Khu vực miền Bắc	64.787.456	62.222.451
+ Công ty CP Taxi Nasco	167.168.600	-
+ Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific	131.848.332	375.502.863
+ Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	395.696.959	-
+ Công ty Bay dịch vụ HK (VASCO)	90.554.119	-
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	4.615.000	-
+ Công ty TNHH MTV Nhiên liệu HK - KV miền Bắc	49.805.138	-
+ Báo Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	99.917.000	-
Tại CN Hà Nội	-	69.219.000
+ Báo Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	66.821.000
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	2.398.000
Tại CN Hồ Chí Minh	-	214.450.970
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	163.505.830
+ Công ty CP Hàng không Jestar Pacific	-	50.945.140
Tại CN Đà Nẵng	-	25.641.000
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	25.641.000
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>17.001.524.151</b>	<b>14.054.186.611</b>
Tại Văn phòng	17.001.524.151	4.030.826.558
+ Công ty TNHH Nhà ga HH ALS	143.256.340	-
+ Công ty TNHH Nước giải khát CocaCola Việt Nam	245.000.000	183.750.000
+ Công ty CP Dịch vụ Truyền thông số	195.305.000	-
+ Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Truyền thông AAA	137.500.000	-
+ Hãng Hàng không Lào	300.073.290	252.114.400
+ Hongkong Dragon	102.921.825	267.714.700
+ Hàng không Malaysia	372.334.170	190.513.600
+ Các khách hàng khác	15.505.133.526	3.136.733.858
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	7.239.141.140
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	2.493.025.979
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	291.192.934
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.687.685.076</b>	<b>28.353.484.555</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho bên thứ ba</b>	<b>13.710.812.998</b>	<b>11.800.479.949</b>
Tại Công ty Mẹ và Công ty con	13.710.812.998	11.775.473.049
Công ty TNHH MTV 319.2	-	4.449.459.943
Công ty Cổ phần Công nghệ Cộng đồng Việt Nam	101.984.546	776.799.746
Cảng HKQT Nội Bài - CN TCT Cảng HK Việt Nam	2.512.443.007	1.636.266.578
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Thế Kỳ	3.252.143.468	-
Công ty TNHH Thiết bị Tự động hóa H-H	582.810.800	233.124.320
Công ty CP Xúc tiến Thương mại Đầu tư Hành tinh số	57.000.000	-
Công ty CP Lilama 69-1	259.310.756	108.000.000
Công ty TNHH TM và Vận Tải Hà Sơn	-	365.908.955
Các khoản trả trước khác	6.945.120.421	4.205.913.507
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	25.006.900
<b>Cộng</b>	<b>13.710.812.998</b>	<b>11.800.479.949</b>

**4.5 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Tại Công ty mẹ và công ty con</b>	<b>7.685.546.169</b>	<b>1.725.229.513</b>
Tạm ứng	3.564.872.753	799.283.914
Ký cược, ký quỹ	15.833.000	398.493.000
Phải thu khác	4.104.840.416	527.452.599
Chi phí vận chuyển hàng miễn thuế máy bay	1.280.768.854	-
Lãi vay ghi nhận trước	361.500.000	-
Phải thu khác	2.462.571.562	527.452.599
<b>Tại các Chi nhánh</b>	<b>-</b>	<b>151.792.500</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.685.546.169</b>	<b>1.877.022.013</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu bên thứ ba	286.860.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	286.860.000	-
<b>Cộng</b>	<b>286.860.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>8.206.170.513</b>	<b>14.265.041.144</b>
Nguyên liệu, vật liệu	2.391.159.879	3.012.170.688
Công cụ, dụng cụ	546.131.780	29.262.685
Hàng hóa	391.602.567	5.954.985.741
Hàng gửi bán	<b>4.877.276.287</b>	5.268.622.030
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	-	<b>(19.478.395)</b>
Hàng hóa	-	(19.478.395)
<b>Cộng</b>	<b>8.206.170.513</b>	<b>14.245.562.749</b>

1789  
 CÔNG  
 TNHH  
 DÁN &  
 VIỆT  
 HI NH  
 HÀ NỘ  
 TẤY - T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	45.176.510.403	9.376.021.063	103.974.840.832	108.000.000	11.277.955.944	169.913.328.242
Mua sắm	-	3.546.538.636	5.091.832.728	733.324.126	-	9.371.695.490
XDCB hoàn thành	49.854.510.571	-	-	-	-	49.854.510.571
Phân loại lại	(4.429.201.655)	4.429.201.655	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(162.400.000)	-	(28.285.786.496)	-	-	(28.448.186.496)
Giảm do góp vốn (i)	(1.195.203.967)	(237.747.272)	-	-	-	(1.432.951.239)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>89.244.215.352</b>	<b>17.114.014.082</b>	<b>80.780.887.064</b>	<b>841.324.126</b>	<b>11.277.955.944</b>	<b>199.258.396.568</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	11.652.132.100	8.120.546.776	70.188.160.753	1.741.935	2.515.917.363	92.478.498.927
Khấu hao	7.237.173.353	4.149.106.115	7.379.830.113	201.169.998	735.350.448	19.702.630.028
Phân loại lại	(88.370.043)	88.370.043	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(162.400.000)	-	(28.285.786.496)	-	-	(28.448.186.496)
Giảm do góp vốn (i)	(234.220.812)	(226.081.371)	-	-	-	(460.302.183)
Giảm khác	-	-	(227.882.252)	-	-	(227.882.252)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>18.404.314.598</b>	<b>12.131.941.564</b>	<b>49.054.322.118</b>	<b>202.911.933</b>	<b>3.251.267.811</b>	<b>83.044.758.024</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2016	33.524.378.303	1.255.474.287	33.786.680.079	106.258.065	8.762.038.581	77.434.829.315
Tại ngày 31/12/2016	70.839.900.754	4.982.072.518	31.726.564.946	638.412.193	8.026.688.133	116.213.638.544

(i) Trong kỳ, Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty liên kết với giá trị được định giá là 1.280.000.000 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 35.481.133.306 VND (tại ngày 31/12/2015 là 61.081.661.362 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.8 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (ii)	Dự phòng (iii)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.280.000.000	1.061.171.967	218.828.033	-	-	-
<i>Công ty CP Taxi Nasco (i)</i>	1.280.000.000	1.061.171.967	218.828.033	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	96.694.690.000	96.694.690.000	-	-	-	-
<i>Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCTS)</i>	6.694.690.000	6.694.690.000	-	6.694.690.000	6.694.690.000	-
<i>Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (iv)</i>	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>216.949.380.000</b>	<b>215.407.163.138</b>	<b>1.542.216.862</b>	<b>6.694.690.000</b>	<b>6.694.690.000</b>	<b>-</b>

(i) Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ sở hữu 36%, tương đương với số tiền 3.780.000.000 VND (trong đó, góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác là 2.500.000.000 VND). Tỷ lệ vốn thực góp tại ngày 31/12/2016 là 16%.

(ii) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường. Ngoài ra, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện cũng chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật đánh giá. Riêng giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài là 154.436.540.500 VND tương đương với số cổ phiếu nắm giữ 1.827.649 cổ phiếu (tại ngày 01/01/2016 là 252.391.205.000 VND).

(iii) Khoản dự phòng tại ngày 31/12/2016 được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

(iv) Đây là khoản đầu tư góp vốn của Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO chiếm tỷ lệ sở hữu 15%. Trong đó, Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO góp vốn từ nguồn tự có 25 tỷ VND và sử dụng từ nguồn vốn vay Ngân hàng 65 tỷ VND. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.14 "Vay và nợ thuê tài chính".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	1.970.433.554	1.970.433.554
Mua sắm	4.789.727.769	4.789.727.769
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>6.760.161.323</b>	<b>6.760.161.323</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	1.425.460.699	1.425.460.699
Khấu hao	1.027.075.928	1.027.075.928
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.452.536.627</b>	<b>2.452.536.627</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2016	<b>544.972.855</b>	<b>544.972.855</b>
Tại ngày 31/12/2016	<b>4.307.624.696</b>	<b>4.307.624.696</b>

**4.10 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước tiền mặt bằng	178.300.000	
Chi phí trả trước công cụ, dụng cụ	1.204.903.826	
Chi phí trả trước khác	607.874.690	614.225.192
<b>Cộng</b>	<b>1.991.078.516</b>	<b>614.225.192</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	4.404.750.748	1.348.775.241
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	400.539.714	292.102.381
Chi phí trả trước dài hạn khác	225.383.913	66.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.030.674.375</b>	<b>1.706.877.622</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>3.547.281.519</b>	<b>3.270.297.822</b>
Tại Công ty mẹ và Công ty con	3.547.281.519	267.940.000
+ Công ty CP In Hàng không	85.205.000	267.940.000
+ Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	944.730.837	-
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	21.863.130	-
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - CN Khu vực miền Trung	99.381.695	-
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - CN Khu vực miền bắc	1.172.882.449	-
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	153.721.202	-
+ Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific	213.104.800	-
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Khu vực miền Nam	375.627.006	-
+ Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	474.650.000	-
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	5.515.400	-
+ Công ty CP Taxi Nasco	600.000	-
Tại Chi nhánh Hà Nội		2.438.089.466
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	228.158.800
+ Chi nhánh TCT HK Việt Nam KV miền Bắc	-	2.142.485.315
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	-	67.445.351
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh		422.294.024
+ Chi nhánh TCT HKVN Khu vực miền Nam	-	195.826.904
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	226.467.120
Tại Chi nhánh Đà Nẵng		141.974.332
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	120.789.265
+ C/ty TNHH MTV DVMĐ Sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng		21.185.067
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>42.048.568.751</b>	<b>67.573.499.419</b>
Tại Công ty mẹ và công ty con	42.048.568.751	66.207.891.599
+ Cảng HK Quốc tế Nội Bài - CN TCT Cảng HK VN	3.676.472.338	24.172.573.175
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam	8.830.813.970	16.570.423.575
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam	3.487.363.649	6.308.646.300
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Đức	901.723.920	1.731.674.250
+ Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	3.968.029.118	-
+ Công ty TNHH MTV 319.2	2.122.410.172	-
+ Công ty TNHH MTV Việt Thành	933.323.405	1.107.909.501
+ Phải trả khách hàng khác	18.128.432.178	16.316.664.798
Tại Chi nhánh		1.365.607.820
+ Chi nhánh Hà Nội	-	912.725.105
+ Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	452.882.715
<b>Cộng</b>	<b>45.595.850.270</b>	<b>70.843.797.241</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.12 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	3.967.450.795		21.723.392.833	20.228.352.177	5.462.491.451	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	41.951.331.019	40.961.070.634	-	990.260.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.128.036	3.756.181.664	4.007.938.543	250.628.843	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.116.597	-	1.770.411.080	2.256.578.448	598.498.228	67.214.263
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	611.685.034	611.685.034	-	-
Các loại thuế khác	-	169.283.034	3.000.000	172.283.034	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.116.597</b>	<b>170.411.070</b>	<b>48.092.608.797</b>	<b>48.009.555.693</b>	<b>849.127.071</b>	<b>1.057.474.648</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan	1.966.363.073	566.051.926
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.966.363.073</i>	<i>566.051.926</i>
Phải trả bên thứ ba	8.171.688.270	1.784.691.756
<i>Công ty CP Kiến trúc Thế Kỷ</i>	<i>3.400.132.477</i>	<i>-</i>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>99.115.954</i>	<i>438.481.347</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	<i>290.000.000</i>
<i>Phải trả CB CNV</i>	<i>198.928.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả bảo hiểm</i>	<i>819.699.477</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>3.548.812.362</i>	<i>1.056.210.409</i>
<b>Cộng</b>	<b>10.138.051.343</b>	<b>2.350.743.682</b>

001-C  
 TY  
 TƯ VẤN  
 NAM  
 NH  
 H  
 P. P. H. A.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển - Tp HCM (HD Bank) (i) <i>Vay ngắn hạn</i>	-	65.000.000.000	-	65.000.000.000 <i>65.000.000.000</i>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đông Anh <i>Vay ngắn hạn</i>	17.788.329.351 <i>4.346.223.027</i>	35.814.244.204	6.495.022.394	47.107.551.161 <i>10.310.766.676</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>13.442.106.324</i>			<i>36.796.784.485</i>
<b>Cộng</b>	<b>17.788.329.351</b>	<b>100.814.244.204</b>	<b>6.495.022.394</b>	<b>112.107.551.161</b>

(i) Đây là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0120/16/HĐTDNH-DN/140 ngày 10/8/2016 của Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (công ty con) với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố HCM - CN Đồng Nai để góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh.

Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi vay được thanh toán một (01) lần vào ngày kết thúc hợp đồng vay.

Các tài sản đảm bảo của khoản vay gồm:

- Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của hợp đồng hứa mua hứa bán số 3006/16/HĐHMHB/Nasco-Vietjet ngày 08/8/2016 với Công ty Cổ phần Hàng không Viet Jet thông qua hợp đồng cầm cố chứng khoán số 0092/16/HĐĐB1-140 ngày 10/8/2016 với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cam kết chuyển nhượng 6.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh khi thỏa mãn đồng thời ba (03) điều kiện sau:
  - Công ty là chủ sở hữu hợp pháp của 9.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh;
  - Công ty không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đối với khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh;
  - Thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không sớm hơn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hứa mua hứa bán này.

Theo Phụ lục hợp đồng số 01 của hợp đồng hứa mua, hứa bán số 3006/16/HĐHMHB/Nasco-Vietjet ngày 08/08/2016, khi Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO không đủ khả năng thanh toán khoản vay 65.000.000.000 VND thì: Tổng giá trị cổ phần được chuyển nhượng bằng toàn bộ số dư nợ gốc còn phải trả Ngân hàng tại thời điểm chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Hàng không Viet Jet cam kết thanh toán toàn bộ phí phát sinh, lãi vay cho Ngân hàng.

- 2.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh thông qua hợp đồng cầm cố chứng khoán số 0092/16/HĐĐB2-140 ngày 10/8/2016 với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.15 Vốn chủ sở hữu**

**4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	83.157.640.000	(2.820.000)	30.572.832.394	3.969.213.452	24.866.939.062	-	142.563.804.908
Lãi trong năm	-	-	-	-	27.519.666.807	-	27.519.666.807
Chia các quỹ	-	-	2.480.851.812	-	(5.435.818.575)	-	(2.954.966.763)
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	(18.294.680.800)	-	(18.294.680.800)
Giảm khác	-	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>(2.820.000)</b>	<b>33.053.684.206</b>	<b>3.969.213.452</b>	<b>28.356.106.494</b>	<b>-</b>	<b>148.533.824.152</b>
Tại ngày 01/01/2016	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	28.356.106.494	-	148.533.824.152
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	29.918.437.458	(620.866.654)	29.297.570.804
Chia các quỹ	-	-	-	-	(2.721.966.681)	-	(2.721.966.681)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(24.114.897.800)	-	(24.114.897.800)
Thưởng BDH	-	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Tặng khác (ii)	-	-	-	-	1.977.560.152	24.500.000.000	26.477.560.152
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>(2.820.000)</b>	<b>33.053.684.206</b>	<b>3.969.213.452</b>	<b>33.115.239.623</b>	<b>23.879.133.346</b>	<b>177.172.090.627</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(i) Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết số 136/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 16/5/2016 với số tiền là 24.114.897.800 VND.

(ii) Khoản tăng khác gồm:

- Từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Đây là các khoản chi phí đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm trước nhưng không được chấp thuận là chi phí hợp lý hợp lệ trong các năm tài chính trước theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước số 1005/TB-KTNN ngày 30/8/2016;
- Từ Lợi ích cổ đông không kiểm soát: Là khoản lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO tại ngày mua.

**4.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy CN ĐK doanh nghiệp		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng	42.410.396.400	51	42.410.396.400	51	42.410.396.400	51
Vốn góp đối tượng khác	40.747.243.600	49	40.747.243.600	49	40.747.243.600	49
<b>Cộng</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100</b>	<b>83.157.640.000</b>	<b>100</b>

**4.15.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.315.764	8.315.764
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
Số lượng cổ phiếu được mua lại	282	282
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	282	282
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.315.482	8.315.482
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.15.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	29.918.437.458	27.519.666.807
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(2.536.795.827)	(3.021.966.681)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.315.482	8.315.482
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>3.293</b>	<b>2.946</b>

(i): Đây là phần trích 50% phần lợi nhuận sau thuế vượt trên 20% lợi nhuận kế hoạch sau thuế để bổ sung quỹ khen thưởng của Công ty theo Quyết định số 18/QĐ-NASCO/HĐQT ngày 15/3/2017. Khoản này sẽ được lấy từ lợi nhuận sau thuế để chi cho người lao động sau khi Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua sắp tới.

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**4.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	39.964.813.714	64.495.458.751
- Công ty TNHH DFS Việt Nam - Kho A	17.352.824.680	20.049.483.086
- Công ty TNHH EDF Việt Nam - Kho B	18.629.286.396	22.468.317.931
- Tập đoàn Imex Pan - Pacific	-	17.466.833.134
- Công ty khác	3.982.702.639	4.510.824.600
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400
3. Ngoại tệ các loại	-	-
- USD	119.079,86	212.233,63

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>520.744.179.770</b>	<b>569.710.604.586</b>
Doanh thu taxi, vận chuyển hàng hóa	181.678.759.609	200.502.980.409
Doanh thu bán hàng miễn thuế	118.130.006.663	136.077.470.292
Doanh thu bán hàng hóa	41.519.621.797	53.736.236.936
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	179.415.791.701	155.705.861.647
Doanh thu khác	-	23.688.055.302
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(993.491.988)</b>	<b>(1.248.677.960)</b>
Chiết khấu thương mại	(993.491.988)	(1.248.677.960)
<b>Cộng</b>	<b>519.750.687.782</b>	<b>568.461.926.626</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn taxi, vận chuyển hàng hóa	138.153.053.222	158.199.818.287
Giá vốn bán hàng miễn thuế	88.759.844.114	100.549.464.287
Giá vốn bán hàng hóa	23.501.727.775	30.505.208.127
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	64.459.211.269	52.297.554.881
Giá vốn khác	-	20.430.645.812
<b>Cộng</b>	<b>314.873.836.380</b>	<b>361.982.691.394</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.550.489.968	4.098.873.762
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	18.276.490.000	22.558.417.490
Lãi chênh lệch tỷ giá	908.781.702	698.725.612
<b>Cộng</b>	<b>21.735.761.670</b>	<b>27.356.016.864</b>

(i) Đây là khoản cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)****5.4 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	4.180.420.817	1.304.309.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.348.367.064	2.780.387.356
Phí cấp tín dụng khoản vay	650.000.000	-
Chi phí tài chính khác	297.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.179.084.881</b>	<b>4.084.696.760</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	65.036.023.602	78.976.172.004
Chi phí nguyên vật liệu	5.016.888.008	4.598.230.649
Chi phí dụng cụ đồ dùng	6.723.797.930	5.256.485.276
Chi phí khấu hao tài sản	10.196.218.663	8.052.988.215
Thuế, phí lệ phí	910.537.986	189.526.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.289.055.032	53.933.147.794
<i>Chi phí thuê kho, mặt bằng</i>	<i>34.509.907.828</i>	<i>38.496.230.863</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>13.779.147.204</i>	<i>15.436.916.931</i>
Chi phí hoa hồng môi giới	1.984.464.326	2.993.542.431
Chi phí khác bằng tiền	16.376.368.733	21.123.621.934
<b>Cộng</b>	<b>154.533.354.280</b>	<b>175.123.714.550</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	16.124.928.659	14.727.574.787
Chi phí vật liệu quản lý	135.549.211	161.682.954
Chi phí đồ dùng văn phòng	804.904.135	876.322.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.371.712.232	3.038.750.717
Dự phòng phải thu khó đòi	-	221.108.077
Thuế, phí và lệ phí	1.247.739.676	1.429.556.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.876.387.625	3.724.627.402
Chi phí điện thoại, Internet	1.079.531.182	647.474.580
Chi phí thuê tư vấn, kiểm toán	-	-
Sửa chữa TSCĐ	596.949.328	553.703.824
Công tác phí	527.572.327	432.633.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.672.334.788	2.090.815.955
Chi phí bằng tiền khác	13.002.640.781	7.120.375.517
Chi phí dự phòng	2.681.022.206	113.454.670
Chi phí giao dịch, đối ngoại	2.726.039.302	3.565.937.683
Chi phí hội nghị, họp	1.864.334.418	562.606.464
Chi phí bằng tiền khác	5.731.244.855	2.878.376.700
<b>Cộng</b>	<b>40.563.862.319</b>	<b>31.299.997.995</b>

**5.7 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	8.696.874.546	6.203.000.000
Chênh lệch đánh giá tài sản góp vốn (i)	307.350.944	-
Thu nhập khác	96.764.061	64.857.796
<b>Cộng</b>	<b>9.100.989.551</b>	<b>6.267.857.796</b>

(i) Đây là khoản chênh lệch do đánh giá tài sản góp vốn vào công ty liên kết của Công ty.

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33.736.025.080</b>	<b>29.457.487.606</b>
<b>Điều chỉnh các khoản giảm lợi nhuận</b>	<b>(18.615.014.476)</b>	<b>(21.259.973.100)</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>(17.723.752.253)</i>	<i>(22.151.235.323)</i>
Thu nhập không thuộc diện nộp thuế TNDN (i)	(18.276.490.000)	(22.558.417.490)
Chi phí không được khấu trừ (không hợp lệ)	552.737.747	407.182.167
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>(891.262.223)</i>	<i>891.262.223</i>
(Giảm)/tăng chi phí trích trước	(873.944.199)	873.944.199
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(17.318.024)	17.318.024
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>15.121.010.604</b>	<b>8.197.514.506</b>
Lỗ tại Công ty con	1.153.038.071	-
Đánh giá chênh lệch tài sản khi góp vốn vào công ty con	4.174.213.122	-
Dự phòng giảm giá đầu tư công ty con	(532.171.417)	-
<b>Thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>19.916.090.380</b>	<b>8.197.514.506</b>
Thu nhập tính thuế không được ưu đãi	19.916.090.380	7.553.110.944
Thu nhập tính thuế được ưu đãi	-	644.403.562
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>19.916.090.380</b>	<b>8.197.514.506</b>
Thuế suất phổ thông (%)	20%	22%
Thuế suất ưu đãi (%)	-	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>3.983.218.076</b>	<b>1.790.565.120</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước (ii)	280.447.360	104.527.131
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>4.263.665.436</b>	<b>1.895.092.251</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.128.036	1.401.754.593
Điều chỉnh ảnh hưởng khác	(507.483.772)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.007.938.543)	(3.295.718.808)
<b>Thuế TNDN (phải thu)/phải trả cuối năm</b>	<b>(250.628.843)</b>	<b>1.128.036</b>

(i) Đây là khoản cổ tức được chia trong năm, xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.3 "Doanh thu hoạt động tài chính".

(ii) Đây là khoản truy thu theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước số 1005/TB-KTNN ngày 30/8/2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	<b>174.788.840</b>		
Tăng trích trước chi phí	-	174.788.840	174.788.840	42.728.548
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>174.788.840</b>	<b>42.728.548</b>

**5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	110.067.037.579	124.337.308.773
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.030.062.958	48.175.862.441
Chi phí dụng cụ đồ dùng	8.107.404.867	8.483.722.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.495.485.143	18.637.232.688
Thuế và các khoản lệ phí	2.701.838.386	1.619.082.552
Giá vốn hàng hóa	128.126.194.568	130.993.123.572
Chi phí hoa hồng môi giới	1.984.464.326	2.993.542.431
Dự phòng phải thu khó đòi	-	221.108.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.702.197.579	151.307.368.932
Chi phí khác bằng tiền	47.138.715.871	81.638.051.571
<b>Cộng</b>	<b>517.353.401.277</b>	<b>568.406.403.939</b>

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh mua bán hàng hóa và hàng miễn thuế;
- Dịch vụ vận chuyển xe tuyến và taxi;
- Hoạt động dịch vụ (Kinh doanh nhà hàng, phòng C....);
- Dịch vụ bưu chính;
- Kinh doanh khác (gồm dịch vụ đóng gói, bán vé máy bay...).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

	Kinh doanh mua bán hàng hóa và hàng miễn thuế		Dịch vụ vận chuyển xe tuyến và taxi		Hoạt động dịch vụ (kinh doanh nhà hàng, phòng C...)		Dịch vụ bưu chính		Dịch vụ khác		Cộng	
	Năm 2016 VND	Năm 2016 (Trình bày lại) VND	Năm 2016 VND	Năm 2016 (Trình bày lại) VND	Năm 2016 VND	Năm 2016 (Trình bày lại) VND	Năm 2016 VND	Năm 2016 (Trình bày lại) VND	Năm 2016 VND	Năm 2016 (Trình bày lại) VND	Năm 2016 VND	Năm 2016 (Trình bày lại) VND
<b>Doanh thu</b>												
Từ khách hàng bên ngoài	159.649.628.460	189.813.707.228	54.632.624.773	88.667.423.728	179.820.150.338	155.705.861.647	126.641.776.199	111.835.556.681	-	23.688.055.302	520.744.179.770	569.710.604.586
Giảm trừ doanh thu	(400.975.407)	(1.125.638.471)	(592.516.581)	(121.176.117)	-	(1.863.372)	-	-	-	-	(993.491.988)	(1.248.677.960)
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>159.248.653.053</b>	<b>188.688.068.757</b>	<b>54.040.108.192</b>	<b>88.546.247.611</b>	<b>179.820.150.338</b>	<b>155.703.998.275</b>	<b>126.641.776.199</b>	<b>111.835.556.681</b>	<b>-</b>	<b>23.688.055.302</b>	<b>519.750.687.782</b>	<b>568.461.926.626</b>
<b>Kết quả kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	(3.692.263.702)	597.025.564	6.077.294.700	(8.814.880.433)	4.216.718.942	6.956.565.508	3.177.884.863	1.166.602.957	-	150.209.090	9.779.634.803	55.522.687
Chi phí không phân bổ												
<b>Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính</b>												
Thu nhập tài chính												9.779.634.803
Chi phí tài chính												21.735.761.670
Thu nhập khác												(6.397.912.914)
Chi phí khác												9.100.989.551
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>												<b>33.736.026.080</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp												(4.263.665.436)
Thuế TNDN hoãn lại												(174.788.840)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>												<b>29.297.570.804</b>
<b>Tài sản</b>												
Tài sản của bộ phận	3.599.374.303	7.169.186.523	32.422.680.155	15.208.345.363	56.856.812.981	39.350.386.771	8.347.620.993	31.807.086.807	-	3.403.265.806	101.226.488.432	96.938.271.270
Tài sản không phân bổ											277.024.851.026	180.750.071.632
<b>Tổng tài sản</b>											<b>378.251.339.459</b>	<b>277.688.342.902</b>
<b>Nợ phải trả</b>												
Nợ phải trả của bộ phận	14.714.147.822	9.095.020.526	2.579.531.834	22.618.803.493	5.466.232.704	3.835.278.280	4.596.075.671	4.957.380.408	-	1.180.292.559	27.355.988.031	41.686.775.266
Nợ phải trả không phân bổ											173.723.260.801	87.467.743.484
<b>Tổng nợ phải trả</b>											<b>201.079.248.832</b>	<b>129.154.518.750</b>

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

**7.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.935.607.721	97.718.734.497
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.483.982.808	30.230.506.568
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn	97.755.861.967	6.694.690.000
<b>Cộng</b>	<b>221.175.452.496</b>	<b>159.643.931.065</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	112.107.551.161	17.788.329.351
Phải trả người bán và phải trả khác	56.600.536.237	74.653.218.582
Chi phí phải trả	6.113.702.324	1.248.049.746
<b>Cộng</b>	<b>174.821.789.722</b>	<b>93.689.597.679</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>USD</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	119.079,86	212.233,63
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	-	3.658,86
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>USD</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	USD	(2.209.775,20)	(1.023.447,55)
<b>(Nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(2.090.695,34)</b>	<b>(807.555,06)</b>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với các loại ngoại tệ USD.

Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	<b>Tăng/(giảm) tỷ giá (%)</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>	
		<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
USD	10%	(4.762.603.985)	(1.812.961.110)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền có kỳ hạn và các nghĩa vụ phải trả dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Theo lãi suất cố định	35.000.000.000	78.000.000.000
Theo lãi suất thả nổi	41.935.607.721	44.718.734.497
Không chịu lãi suất	144.239.844.775	36.925.196.568
<b>Cộng</b>	<b>221.175.452.496</b>	<b>159.643.931.065</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Nợ phải trả tài chính lãi suất cố định	112.107.551.161	17.788.329.351
Không chịu lãi suất	62.714.238.561	75.901.268.328
<b>Cộng</b>	<b>174.821.789.722</b>	<b>93.689.597.679</b>

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

Tại ngày 31/12/2016, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 154.436.540.500 VND tương đương với số cổ phiếu nắm giữ 1.827.649 cổ phiếu (tại ngày 01/01/2016 là 252.391.205.000 VND)

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư khác. Ban Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm kế toán. Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Tại ngày 31/12/2016			
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	70.964.543.649	41.143.007.512	-	112.107.551.161
Phải trả người bán và phải trả khác	55.733.901.613	866.634.624	-	56.600.536.237
Chi phí phải trả	6.113.702.324	-	-	6.113.702.324
<b>Cộng</b>	<b>132.812.147.586</b>	<b>42.009.642.136</b>	<b>-</b>	<b>174.821.789.722</b>
	Tại ngày 01/01/2016			
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	4.346.223.027	13.442.106.324	-	17.788.329.351
Phải trả người bán và phải trả khác	73.194.540.923	1.458.677.659	-	74.653.218.582
Chi phí phải trả	1.248.049.746	-	-	1.248.049.746
<b>Cộng</b>	<b>78.788.813.696</b>	<b>14.900.783.983</b>	<b>-</b>	<b>93.689.597.679</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

3617  
CỘNG  
TỔNG  
4 TOÁN  
M V  
- CHI  
HÀ  
U GI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty, các công ty thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty cổ phần và các công ty liên doanh, liên kết.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
TT Khai thác Nội Bài	154.799.223.674	125.561.913.915
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	831.071.353	731.852.729
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB Nội Bài	7.054.870.695	4.774.664.155
CN TCT HK Việt Nam - VP Khu vực miền Bắc	762.522.471	477.306.335
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB Tân Sơn Nhất	17.081.817	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	63.091.000	57.620.000
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	4.212.598.393	3.648.872.295
Công ty TNHH DVGN Hàng hóa Tân Sơn Nhất	11.064.882	-
Công ty TNHH Giao nhận HH Tân Sơn Nhất	-	509.091
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu HK - KV miền Bắc	555.162.835	234.946.066
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay	381.600.000	95.400.000
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	824.244.312	-
Công ty CP DV Hàng hóa Nội bài	2.353.852.062	2.014.665.951
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	222.702.544	-
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific	865.510.657	-
<b>Cộng</b>	<b>172.954.596.695</b>	<b>137.597.750.537</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Mua hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	3.458.970.200	4.311.687.880
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific	1.623.027.900	-
Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB Đà Nẵng	257.056.615	166.959.327
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	79.894.289	-
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	1.198.250.000	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1.370.748.114	950.042.940
Văn phòng Khu vực miền Bắc	29.501.665.601	21.288.979.909
Văn phòng Khu vực miền Nam	31.834.379.770	26.025.244.629
Văn phòng Khu vực miền Trung	5.093.805.767	1.991.884.847
Công ty Cổ phần In Hàng không	1.152.202.905	1.423.743.888
Công ty CP DVHKS Tân Sơn Nhất	235.734.543	317.901.901
Công ty CP Taxi Nasco	61.063.634	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	64.397.200	-
<b>Cộng</b>	<b>75.931.196.539</b>	<b>56.476.445.321</b>

**Cổ tức**

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.14 "Vốn chủ sở hữu".

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.746.501.057	1.859.199.924
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	685.970.004	704.414.004
Thưởng Ban Điều hành	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.732.471.061</b>	<b>2.863.613.928</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.8 "Đầu tư tài chính dài hạn";
- Thuyết minh số 4.11 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.13 "Phải trả ngắn hạn khác".

**7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL (nay là Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam). Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.



Tạ Thiên Long  
Chủ tịch HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập

